

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-ĐHM ngày.....tháng.....năm 2015
của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình: **Đông Nam Á học**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Đông Nam Á học** Mã số: **52220214**
(Southeast Asian Studies)
Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Đông Nam Á học đào tạo các cử nhân có phẩm chất, đạo đức tốt, có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng nghề nghiệp về khu vực Đông Nam Á và có khả năng thích nghi với môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa tại các cơ quan nhà nước, cơ quan ngoại giao, các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế, cơ sở giáo dục, đào tạo, nghiên cứu hay các hoạt động liên quan đến ngành học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo ngành Đông Nam Á học được thiết kế theo các hướng văn hóa - xã hội, kinh tế và an ninh - chính trị, những nội dung hoạt động chính của Hiệp hội các nước Đông Nam Á.

Quá trình đào tạo Cử nhân ngành Đông Nam Á học trang bị cho người học:

1.2.1. Kiến thức

– Các kiến thức chung theo chuẩn trình độ đại học của một cử nhân phù hợp với ngành đào tạo: hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ phù hợp với ngành đào tạo để có thể tiếp thu tốt kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn;

– Các kiến thức lý thuyết chuyên sâu về cơ sở ngành Đông Nam Á học, kiến thức nền tảng về lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và mối quan hệ của từng quốc gia trong khu vực, hiểu được những điểm tương đồng và khác biệt. Từ đó người

học vận dụng kiến thức này vào công việc liên quan đến nghề nghiệp trong điều kiện thực tế, phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

1.2.2. Kỹ năng

Các kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết như: kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, kỹ năng điều hành, tổ chức, kỹ năng làm việc hiệu quả, kỹ năng hoàn thành và thích ứng công việc một cách linh hoạt.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập, năng động, hành vi chuyên nghiệp, có đầy đủ phẩm chất, ý thức và trách nhiệm của một công dân trong thời kỳ mới.

2. Chuẩn đầu ra

Để tốt nghiệp chương trình cử nhân ngành Đông Nam Á học, người học phải đạt các chuẩn như sau:

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức chuyên môn

Có kiến thức hệ thống về toàn cảnh khu vực Đông Nam Á cũng như từng quốc gia trong khu vực từ lịch sử hình thành, phát triển, đặc thù, hoạt động kinh tế, thể chế chính trị, tổ chức xã hội, bản sắc dân tộc, văn hóa, lối sống..., đến quan hệ quốc tế.

2.1.2. Năng lực nghề nghiệp

Có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn và bổ trợ, các kỹ năng để phân tích, đánh giá, nhận định và giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành nghề, phát huy tốt năng lực chuyên môn, tham gia chủ động và hiệu quả công việc, đáp ứng được yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội và thị trường lao động trong giai đoạn hội nhập khu vực và thế giới.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

– Kỹ năng chuyên môn: có khả năng nghiên cứu, tìm hiểu, thu thập, phân tích, tổng hợp và sử dụng thông tin về các quốc gia, các vấn đề văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị trong khi xử lý, tiếp cận các vấn đề khu vực;

– Năng lực thực hành nghề nghiệp: có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, vận dụng kiến thức chuyên môn và liên ngành vào quá trình công tác, góp phần vào công cuộc phát triển đất nước, tăng cường hiểu biết, mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á;

– Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề: có tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, có khả năng phát hiện, khái quát, nhận định các vấn đề thực tiễn để vận dụng và giải quyết các vấn đề trong công việc, có năng lực phát triển và thích ứng nhanh với mọi thay đổi trong nghề nghiệp.

2.2.2. Kỹ năng mềm

– Năng lực sử dụng ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp ngành Đông Nam Á học phải đạt chuẩn tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và một ngoại ngữ 2 (tiếng Trung bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc hay tiếng Thái tương đương trình độ sơ cấp);

– Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

– Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp liên văn hóa, điều hành, điều phối công việc và quản lý thời gian.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân

– Sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm đối với xã hội và đất nước;

– Hiểu biết, trung thực, có đạo đức nghề nghiệp;

– Có tư duy, phong cách làm việc hội nhập thích ứng với sự phát triển của cộng đồng ASEAN.

2.3.2. Tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

– Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, độc lập; có tư duy phản biện;

– Có tinh thần cầu tiến, tự hoàn thiện, không ngừng nâng cao năng lực bản thân;

– Có tính kiên trì, sáng tạo, có tinh thần hợp tác, tương thân tương ái, biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc;

– Có ý thức cộng đồng, thái độ cởi mở, khoan dung, tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ, biết ứng xử đúng mực khi làm việc trong môi trường đa văn hóa, đa ngôn ngữ.

2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Đông Nam Á nhằm hướng người học sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

2.4.1. Cơ quan nhà nước

– Chuyên viên tại các cơ quan thuộc Bộ, Sở, phòng ban chuyên môn tại các tỉnh/thành phố, quận/huyện (bộ phận Ngoại vụ, Nội vụ, Văn hóa – Thể thao – Du lịch, Thông tin Truyền thông, nhà Bảo tàng, Ban Dân tộc,...);

– Biên tập viên phụ trách các chương trình văn hóa, du lịch tại các cơ quan truyền thông, thông tấn (báo, tạp chí hoặc đài truyền thanh và truyền hình).

2.4.2. Cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế

Cán bộ làm việc cho các lãnh sự quán các nước Đông Nam Á, các cơ quan ngoại giao trong nước, các tổ chức quốc tế và phi chính phủ có hợp tác ở Đông Nam Á.

2.4.3. Các doanh nghiệp

– Chuyên viên phụ trách công tác trợ lý, tư vấn, nghiên cứu chiến lược phát triển, quan hệ đối ngoại cho các doanh nghiệp của các nước Đông Nam Á tại Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam tại các nước Đông Nam Á;

– Hướng dẫn viên du lịch, thiết kế, điều hành tour cho các công ty du lịch có thị trường tại các nước Đông Nam Á.

2.4.4. Các Viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục và đào tạo có liên quan

Nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, các học viện và trung tâm nghiên cứu.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp đại học, tùy theo khả năng sinh viên có thể tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn như Cao học hay Nghiên cứu sinh ngành Châu Á học, Đông Phương học, Quan hệ quốc tế hoặc các ngành gần như Nhân học, Văn hóa học tại các trường trong và ngoài nước.

2.6. Các tài liệu, chương trình, chuẩn quốc tế mà khoa tham khảo

Chương trình đào tạo ngành Đông Nam Á được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình tương đương trong và ngoài nước:

2.6.1. Trong nước

– Chương trình đào tạo ngành Đông Phương học, Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

– Chương trình đào tạo ngành Đông Nam Á học, Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

2.6.2. Nước ngoài

– Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ & Văn hóa Đông Nam Á, Đại học London - Anh (University of London);

– Chương trình đào tạo ngành Đông Nam Á học, Đại học Washington (University of Washington);

– Chương trình đào tạo ngành Đông Phương học & Nhân văn, Đại học Paris 7 Diderot - Pháp (Université Paris Diderot);

– Chương trình đào tạo ngành Đông Nam Á & Châu Á Thái Bình Dương học, Viện Ngôn ngữ & Văn Minh phương Đông - Pháp (Institut National des Langues et Civilisations Orientales);

– Chương trình đào tạo ngành Đông Nam Á học, Đại học quốc gia Singapore (NUS – National University of Singapore);

– Chương trình đào tạo ngành Đông Nam Á học, Đại học Malaysia (University of Malaysia);

– Chương trình đào tạo ngành Đông Nam Á học, Đại học Chulalongkorn - Thái Lan (Chulalongkorn University).

3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là 4 năm với 11 học kỳ.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức tích lũy của toàn khóa học tối thiểu là 124 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (5TC) và Giáo dục Quốc phòng (8TC).

– Khối kiến thức Giáo dục Đại cương: 44 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

– Khối kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp: 80 tín chỉ, bao gồm:

+ Kiến thức giáo dục chuyên ngành: 69 tín chỉ.

+ Thực tập tốt nghiệp: 04 tín chỉ.

+ Khóa luận tốt nghiệp: 07 tín chỉ.

5. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 25 Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

– Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

– Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo mỗi khóa;

– Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;

– Có chứng chỉ tiếng Anh Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc thi đạt bài thi do Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh tổ chức;

– Có chứng chỉ ngoại ngữ 2 tiếng Trung bậc 3 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), tiếng Thái (tương đương sơ cấp) hoặc thi đạt bài thi do Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh tổ chức;

– Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.

7. Thang điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm 10 và quy tương đương sang điểm chữ theo quy định của nhà trường.

8. Nội dung chương trình

STT	Môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
8.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			44	44		
8.1.1. Lý luận chính trị			10	10		
1.	Những NLCB CN Mác- Lênin (P1)	POLI1201	2	2		
2.	Những NLCB CN Mác- Lênin (P2)	POLI2302	3	3		
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2		
4.	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	3		
8.1.2. Khoa học xã hội và nhân văn			13	13		
5.	Kinh tế học đại cương	SEAS2301	3	3		
6.	Xã hội học đại cương	SOCI1301	3	3		
7.	Quản trị học	BADM1301	3	3		
8.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2		
9.	Tâm lý học đại cương	SOCI1201	2	2		
8.1.3. Ngoại ngữ (bắt buộc)			14	14		
10.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4		
11.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4		
12.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0307	3	3		
13.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0308	3	3		
8.1.4. Tin học			7	7		
14.	Tin học đại cương	COMP0401	4	4		
15.	Tin học ứng dụng trong KHXH	COMP2306	3	3		

STT	Môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
	8.1.5. Giáo dục Thể chất		5		5	Không tính vào tổng TC tích lũy
16.	Giáo dục Thể chất 1	PEDU1201	2		2	
17.	Giáo dục Thể chất 2: <i>Chọn 01 trong các môn sau:</i>		3		3	
	Bóng chuyền	PEDU1302				
	Bóng ném	PEDU1303				
	Bóng đá	PEDU1304				
	Bơi lội	PEDU1305				
	8.1.6. Giáo dục Quốc phòng – An ninh		8		8	Không tính vào tổng TC tích lũy
18.	Giáo dục Quốc phòng	DEDU1801	8		8	
8.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			80	75	05	
	8.2.1. Kiến thức cơ sở (bắt buộc)		13	13		
19.	Nhân học đại cương	SOCI2203	2	2		
20.	Đại cương văn hóa Việt Nam	VIET1202	2	2		
21.	Phương pháp nghiên cứu thực địa	SEAS3301	3	3		
22.	Thống kê trong KHXH (Thống kê xã hội)	SOCI2302	3	3		
23.	Lịch sử văn minh thế giới	SEAS2303	3	3		
	8.2.2. Kiến thức ngành (bắt buộc)		27	27		
24.	Dẫn nhập Đông Nam Á học (Nhập môn Đông Nam Á học)	SEAS1202	2	2		
25.	Địa lý các nước Đông Nam Á	SEAS2202	2	2		
26.	Lịch sử các nước Đông Nam Á	SEAS2302	3	3		
27.	Văn hóa các nước Đông Nam Á	SEAS2305	3	3		
28.	Tôn giáo các nước Đông Nam Á	SEAS3202	2	2		
29.	Nghệ thuật Đông Nam Á	SEAS4209	2	2		
30.	Các tộc người ở Đông Nam Á	SEAS3302	3	3		
31.	Thế chế chính trị và hệ thống	SEAS2304	3	3		

STT	Môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
	pháp luật các nước Đông Nam Á					
32.	Quan hệ quốc tế Đông Nam Á	SEAS3203	2	2		
33.	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	GLAW3303	3	3		
34.	Các tổ chức quốc tế và khu vực ở Đông Nam Á	SEAS3210	2	2		
	Kiến thức tự chọn: Chọn 10 tín chỉ trong các môn học sau:		10	09	01	
35.	Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á	SEAS4301	3	3		
36.	<i>Phương pháp hướng dẫn du lịch</i>	BADM3407	3	2	1	
37.	<i>Du lịch Đông Nam Á</i>	SEAS3303	3	3		
38.	<i>Đông Nam Á lục địa</i>	SEAS3211	2	2		
39.	<i>Đông Nam Á hải đảo</i>	SEAS3212	2	2		
40.	Truyền thông đại chúng ĐNA	SEAS3204	2	2		
41.	Văn hóa Chăm ở Đông Nam Á	SEAS4216	2	2		
42.	Người Hoa ở Đông Nam Á	SEAS4202	2	2		
43.	Đô thị hóa ở Đông Nam Á	SEAS3214	2	2		
	8.2.3. Kiến thức bổ trợ		19	19		
	8.2.3.1 Bắt buộc		15	15		
44.	Ngoại ngữ 2 (1): Thái, Trung	GCHI1301 THAI1301	3	3		Sinh viên chọn 1 trong 2 ngoại ngữ để học
45.	Ngoại ngữ 2 (2): Thái, Trung	GCHI1302 THAI1302	3	3		
46.	Ngoại ngữ 2 (3): Thái, Trung	GCHI1303 THAI1303	3	3		
47.	Ngoại ngữ 2 (4): Thái, Trung	GCHI1304 THAI1304	3	3		
48.	Ngoại ngữ 2 (5): Thái, Trung	GCHI1305 THAI1305	3	3		
	8.2.3.2 Tự chọn: Chọn 4 tín chỉ trong các môn		4	4		

STT	Môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
	học sau:					
49.	Nghiệp vụ thư ký văn phòng	SEAS3304	3	3		
50.	<i>Nghiệp vụ báo chí</i>	SEAS4215	2	2		
51	<i>Giao tiếp liên văn hóa</i>	SEAS3213	2	2		
8.2.4. Thực tập và làm Khóa luận tốt nghiệp			11	7	4	
52.	Thực tập tốt nghiệp	SEAS4899	4		4	
53.	Khóa luận tốt nghiệp	SEAS4799	7	7		
54.	<i>Các môn học thay thế Khóa luận Tốt nghiệp:</i>		7	7		
	Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á	SEAS4301	3	3		
	Văn hóa Chăm ở Đông Nam Á	SEAS4216	2	2		
	Người Hoa ở Đông Nam Á	SEAS4202	2	2		
Tổng cộng			124	119	5	

9. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
HỌC KỲ 1			13	13		
1.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2		
2.	Quản trị học	BADM1301	3	3		
3.	Dẫn nhập Đông Nam Á học (Nhập môn Đông Nam Á học)	SEAS1202	2	2		
4.	Nhân học đại cương	SOCI2203	2	2		
5.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4		
HỌC KỲ 2			13	13		
1.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	POLI1201	2	2		
2.	Xã hội học đại cương (NMXHH)	SOCI1301	3	3		
3.	Đại cương văn hóa Việt Nam	VIET1202	2	2		

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
4.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4		
5.	Tâm lý học đại cương	SOCI1201	2	2		
HỌC KỲ 3			13	13		
1.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	POLI2302	3	3		
2.	Tin học đại cương	COMP0401	4	4		
3.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0307	3	3		
4.	Ngoại ngữ 2 : (1)		3	3		
HỌC KỲ 4			13	13		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2		
2.	Lịch sử các nước Đông Nam Á	SEAS2302	3	3		
3.	Địa lý các nước Đông Nam Á	SEAS2202	2	2		
4.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0308	3	3		
5.	Ngoại ngữ 2 : (2)		3	3		
HỌC KỲ 5			12	12		
1.	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	3		
2.	Kinh tế học đại cương	SEAS2301	3	3		
3.	Lịch sử văn minh thế giới	SEAS2303	3	3		
4.	Ngoại ngữ 2 : (3)		3	3		
HỌC KỲ 6			14	14		
1.	Tôn giáo các nước Đông Nam Á	SEAS3202	2	2		
2.	Thế chế chính trị và hệ thống pháp luật các nước Đông Nam Á	SEAS2304	3	3		
3.	Văn hóa các nước Đông Nam Á	SEAS2305	3	3		
4.	Pháp luật cộng đồng ASEAN	GLAW3303	3	3		
5.	Ngoại ngữ 2 : (4)		3	3		
HỌC KỲ 7			13	13		
1.	Thống kê trong KHXH (Thống kê XH)	SOCI2302	3	3		
2.	Nghệ thuật Đông Nam Á	SEAS4209	2	2		
3.	Quan hệ quốc tế Đông Nam Á	SEAS3203	2	2		

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
4.	Phương pháp nghiên cứu thực địa	SEAS3301	3	3		
5.	Ngoại ngữ 2 : (5)		3	3		
6.	Giáo dục Quốc phòng	DEDU1801	8		8	
7.	Giáo dục Thể chất 1	PEDU1201	2		2	
HỌC KỲ 8			13	12	01	
1.	Tin học ứng dụng trong khoa học xã hội	COMP2306	3	3		
2.	Phương pháp hướng dẫn du lịch	BADM3407	3	2	1	
3.	Các tộc người ở Đông Nam Á	SEAS3302	3	3		
4.	Các tổ chức quốc tế và khu vực ở ĐNA	SEAS3210	2	2		
5.	Đông Nam Á lục địa	SEAS3211	2	2		
6.	Giáo dục thể chất 2 – Sinh viên chọn 1 trong các môn sau: – Bóng chuyền – Bóng ném – Bóng đá – Bơi lội	PEDU1302 PEDU1303 PEDU1304 PEDU1305	3		3	
HỌC KỲ 9			09	09		
1.	Du lịch Đông Nam Á	SEAS3303	3	3		
2.	Đông Nam Á hải đảo	SEAS3212	2	2		
3.	Nghiệp vụ báo chí	SEAS4215	2	2		
4.	Giao tiếp liên văn hóa	SEAS3213	2	2		
HỌC KỲ 10			4		4	
1.	Thực tập tốt nghiệp	SEAS4899	4		4	
HỌC KỲ 11			7	7		
1.	Khóa luận tốt nghiệp	SEAS4799	7	7		
	<i>Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp:</i>					
1.	Hội nhập kinh tế khu vực ĐNA	SEAS4301	3	3		
2.	Văn hóa Chăm ở Đông Nam Á	SEAS4216	2	2		
3.	Người Hoa ở Đông Nam Á	SEAS4202	2	2		

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

10.1. Danh mục các môn học tương đương & thay thế

STT	Các chương trình cũ				Chương trình mới				
	Tên môn học	Mã môn học	Số TC		Tên môn học	Mã môn học	Số TC		Ghi chú
			LT	TH			LT	TH	
DANH MỤC CÁC MÔN HỌC TƯƠNG ĐƯƠNG									
1.	Tin học đại cương	COMP1401	2	1	Tin học đại cương	COMP0401	4		
2.	Tiếng Anh căn bản 1	GENG1401	4		Tiếng Anh căn bản 3	GENG0403	4		
3.	Tiếng Anh căn bản 2	GENG1402	4		Tiếng Anh căn bản 4	GENG0404	4		
4.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1403	4		Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4		
5.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1404	4		Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4		
6.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG2317	3		Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0307	3		
7.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG2318	3		Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0308	3		
8.	Văn hóa các nước ĐNA	SEAS2205	2		Văn hóa các nước ĐNA	SEAS2305	3		
9.	Lịch sử các nước ĐNA 1	SEAS2203	2		Lịch sử các nước ĐNA	SEAS2302	3		
	Lịch sử các nước ĐNA 2	SEAS2208	2						
10.	Các dân tộc ở ĐNA	SEAS4207	2		Các tộc người ở ĐNA	SEAS3302	3		
11.	Phương pháp nghiên cứu thực địa	SEAS4212	2		Phương pháp nghiên cứu thực địa	SEAS3301	3		
12.	Tin học chuyên ngành ĐNA	COMP3405	3		Tin học ứng dụng trong KHXH	COMP2306	3		
	Tin học ứng dụng	COMP2403	3						
13.	Thế chế chính trị các nước ĐNA	SEAS2209	2		Thế chế chính trị và hệ thống pháp luật các nước Đông Nam Á	SEAS2304	3		
14.	Phương pháp hướng dẫn du lịch	SEAS3209	2		Phương pháp hướng dẫn du lịch	BADM3407	2	1	
						BADM4205	2		
DANH MỤC CÁC MÔN HỌC THAY THẾ									
15.	Tiếng Mã 1	MALY1301	3		Tiếng Thái 1 hoặc Tiếng Trung 1	THAI1301 GCHI1301	3 3		

STT	Các chương trình cũ				Chương trình mới				
	Tên môn học	Mã môn học	Số TC		Tên môn học	Mã môn học	Số TC		Ghi chú
			LT	TH			LT	TH	
16.	Tiếng Mã 2	MALY1302	3		Tiếng Thái 2 hoặc Tiếng Trung 2	THAI1302 GCHI1302	3		
17.	Tiếng Mã 3	MALY1303	3		Tiếng Thái 3 hoặc Tiếng Trung 3	THAI1303 GCHI1303	3		
18.	Văn hóa – văn minh phương Đông	SEAS1301	3		Lịch sử văn minh thế giới	SEAS2303	3		
19.	Lịch sử quan hệ VN-ĐNA	SEAS4208	2		Các tổ chức quốc tế và khu vực ở ĐNA	SEAS2310	2		
20.	Kỹ thuật đàm phán	SEAS3207	2		Nghệ thuật ĐNA	SEAS4209	2		
21.	Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa thế giới	SEAS4213	2		Hội nhập kinh tế khu vực ĐNA	SEAS4301	3		
22.	Điện ảnh Việt Nam và ĐNA	SEAS4211	2		Nghiệp vụ báo chí	SEAS4215	2		
23.	Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	SEAS4210	2		Văn hóa Chăm ở ĐNA	SEAS4216	2		
24.	Truyền thông đại chúng ở ĐNA (CN VH)	SEAS3204	2		Du lịch Đông Nam Á	SEAS3303	3		
	Nghi thức ngoại giao quốc tế (CN QHQT)	SEAS3206	2						
25.	Chuyên đề văn hóa ĐNA (CN VH)	SEAS4203	2		ĐNA lục địa	SEAS3211	2		
	Tư pháp quốc tế (CN QHQT)	SEAS4205	2						
26.	Chiến lược phát triển các nước ĐNA (CN VH)	SEAS4214	2		ĐNA hải đảo	SEAS3212	2		
	Công pháp quốc tế (CN QHQT)	SEAS4204	2						
27.	Kinh tế các nước ĐNA	SEAS2210	2		Pháp luật cộng đồng ASEAN	GLAW3303	3		
MÔN HỌC KHÔNG CÒN TRONG CTĐT, SINH VIÊN HỌC TRẢ NỢ Ở CÁC KHOA KHÁC									
28.	Logic học	ACCO1201	2		Logic học	ACCO1201	2		Các ngành khác
DANH MỤC CÁC MÔN HỌC TỔ CHỨC THI TRẢ NỢ									

STT	Các chương trình cũ				Chương trình mới				
	Tên môn học	Mã môn học	Số TC		Tên môn học	Mã môn học	Số TC		Ghi chú
			LT	TH			LT	TH	
29.	Kỹ năng học ĐH và phương pháp NCKH	EDUC1204	2						
30.	Lịch sử phương Đông	SEAS2204	2						
31.	Tiếng Việt thực hành	VIET1201	2						
32.	Mỹ học đại cương	SEAS2207	2						
33.	Văn hóa văn minh phương Tây	SEAS2211	2						
34.	Nhập môn Văn hóa học	SEAS3201	2						
35.	Nhập môn Quan hệ quốc tế	SEAS3205	2						
36.	Văn hóa Ấn Độ và ảnh hưởng của nó ở khu vực	SEAS4201	2						
37.	Chuyên đề quan hệ quốc tế ĐNA	SEAS4206	2						
38.	Chính trị học đại cương	SEAS2201	2						
39.	Môi trường và phát triển	SEAS1203	2						
40.	Kinh tế quốc tế và các cơ quan tài chính quốc tế	SEAS3208	2						
41.	Lịch sử Việt Nam đại cương	SEAS1201	2						

10.2. Tổ chức đào tạo

10.2.1. Tổ chức thi đối với các môn học không còn giảng dạy

Chương trình đào tạo được rà soát xây dựng mới theo một ngành lớn nên không còn các chuyên ngành, do đó còn 13 môn học không được tổ chức giảng dạy vì không có môn học thay thế nên đối với các môn học này thay thế bằng hình thức “Tổ chức thi”, cụ thể :

STT	TÊN MÔN HỌC	MÃ MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	Kỹ năng học ĐH và phương pháp NCKH	EDUC1204	2	
2	Lịch sử phương Đông	SEAS2204	2	
3	Tiếng Việt thực hành	VIET1201	2	

4	Mỹ học đại cương	SEAS2207	2	
5	Văn hóa văn minh phương Tây	SEAS2211	2	
6	Nhập môn Văn hóa học	SEAS3201	2	
7	Nhập môn Quan hệ quốc tế	SEAS3205	2	
8	Văn hóa Ấn Độ và ảnh hưởng ở khu vực	SEAS4201	2	
9	Chuyên đề quan hệ quốc tế ĐNA	SEAS4206	2	
10	Chính trị học đại cương	SEAS2201	2	
11	Môi trường và phát triển	SEAS1203	2	
12	Kinh tế quốc tế và các cơ quan tài chính quốc tế	SEAS3208	2	
13	Lịch sử Việt Nam đại cương	SEAS1201	2	

10.2.2. Tổ chức học ngoại ngữ 2

Các lớp tổ chức học ngoại ngữ 2 phải đạt tối thiểu 40 sinh viên. Trường hợp không đủ số lượng sinh viên tối thiểu để mở tất cả các ngoại ngữ 2, sinh viên bàn bạc dân chủ để đi đến thống nhất việc mở ngoại ngữ 2 theo đa số.

10.2.3. Khóa luận tốt nghiệp và học các môn thay thế Khóa luận

– Những sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp phải học các môn học thay thế cho đủ 7 tín chỉ.

– Sinh viên được làm Khóa luận tốt nghiệp khi hội đủ điều kiện tại điều 24, chương IV của Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh và theo quy định của Khoa, cụ thể như sau:

+ Phải đạt ít nhất 95% khối lượng chương trình không bao gồm thực tập và khóa luận tốt nghiệp (cho phép nợ tối đa 6 tín chỉ);

+ Có điểm trung bình chung học tập đạt từ 7,0 trở lên;

+ Có điểm báo cáo thực tập đạt từ 8,0 trở lên và có sự đồng ý của GVHD để làm Khóa luận tốt nghiệp.

11. Đề cương chi tiết môn học (Đính kèm)

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc